TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 264/2024/DS-ST Ngày: 27-8-2024 Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2/ Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt H - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4/2024, ngày 21 tháng 8 và 27 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B, Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2023/TLST-DS ngày 19/4/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1956; thường trú: Số 113/51, Đường 11, Tổ 14, Khu phố 4, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ:18-101C, Khu phố 6, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Văn Ch – Luật sư của Công ty luật T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ: 2/39D, đường B, khu phố B, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 26/4/2024, có mặt ngày 21/8/2024 và vắng mặt ngày 27/8/2024.

- Bị đơn: Ông Lê Thế H, sinh năm 1974; thường trú: Số 24/4A, khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: C 13, khu biệt thự H, Tổ 29, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 10, đường E, trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2023). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn H1; địa chỉ: Số 453, đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1965; thường trú: Số 609/18, Quốc lộ 13, phường H, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05/4/2023, lời Tr bày trong quá Tr giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr trình bày:

Ông Lê Thế H là người môi giới bất động sản, ông Tr có nhu cầu kinh doanh bất động sản nên có mối quan hệ làm ăn với nhau. Do là chỗ bạn bè nên từ năm 2009, ông H thường vay tiền của ông Tr. Trong thời gian từ tháng 10 năm 2009 cho đến tháng 12 năm 2011, ông Tr cho ông H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 304.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 12/10/2009, ông H vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích ông H vay làm gì thì ông Tr không rõ, ông Tr không tính lãi suất, ông H là người viết biên nhận ký và ghi rõ họ tên.

- Ngày 10/8/2010, ông H vay số tiền 20.000.000 đồng, theo ông H thì ông vay để đóng tiền học cho con, ông Tr không tính lãi, ông H ghi số tiền và ký vào tờ giấy tập học sinh.

- Ngày 25/9/2011, ông H vay số tiền 67.000.000 đồng, ông H nói với ông Tr là vay để trả tiền cho ông H1, ông H tự đưa ra mức lãi là 5% nhưng cho đến thời điểm này ông H vẫn chưa trả cho ông Tr cả tiền gốc lẫn lãi, ông H là người viết giấy vay và ký vào tờ giấy tập học sinh.

- Ngày 25/9/2011, ông H nhận của ông Tr số tiền 50.000.000 đồng để đóng thuế nhà đất ở đường Phạm Đình H, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông H giữ sử dụng luôn không đóng thuế cũng không trả lại cho ông Tr, ông H là người viết giấy nhận tiền và ký vào tờ giấy tập học sinh.

- Ngày 29/12/2011, ông H nhận nợ lại ông Tr số tiền 37.000.000 đồng, số tiền này ông H mượn của ông Tr để trả tiền cò đất. Ông H có viết và ký vào tờ giấy tập học sinh.

- Ngày 04/10/2011, ông H vay của ông Tr số tiền 80.000.000 đồng, ông H vay mục đích để trả tiền lãi cho số tiền ông H vay 400.000.000 đồng của bà H, ông H là người ghi và ký vào tờ giấy tập học sinh.

Ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Thế H phải trả cho ông số tiền 304.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 26/4/2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thế H là bà Đặng Thị H có yêu cầu giám định chữ ký đối với giấy xác nhận nợ ngày 04/10/2011. Kết quả giám định thể hiện: không phải chữ ký và chữ viết của ông Lê Thế H. Vì vậy, tại phiên tòa ngày 21/8/2024, ông Tr rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông yêu cầu ông H phải trả là 224.000.000 đồng. Ông Tr không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Tr ông không đồng ý vì ông không nhận số tiền 116.000.000 đồng này từ ông H. Ông thừa nhận ông có viết vào ba dòng sau và ký vào tờ giấy ông H cung cấp, mục đích ông Tr cam kết nếu ông H không trả tiền cho ông Đào Minh Đ thì ông Tr sẽ trả, bản thân ông không nhận từ ông H số tiền 116.000.000 đồng để giao cho ông Đ.

- Trong qúa Tr giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thế H là bà Đặng Thị Hồng Tr bày:

Khoảng năm 2009, ông Lê Thế H làm nghề môi giới bất động sản và có quan hệ làm ăn với ông Tr. Ông H không có giao dịch vay mượn tiền gì với ông Tr. Tuy nhiên, có một số giấy tờ liên quan đến các giao dịch về đất đai giữa ông H với ông Tr có liên quan đến các chứng cứ mà ông Tr cung cấp cho Tòa án. Cụ thể:

- Khoản vay 50.000.000 đồng ngày 12/10/2009 đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

- Đối với chứng cứ là tờ giấy ghi tiền 20.000.000 đồng ngày 10/8/2010 mà ông Tr cung cấp cho Tòa án không phải là tiền vay mà là số tiền góp vào để làm giấy tờ, sổ sách; ông H chỉ liệt kê ra ông Tr phải nộp số tiền bao nhiêu, ngoài ông Tr còn có ông D với bà L góp tiền vào.

- Đối với chứng cứ là tờ giấy ghi số tiền 67.000.000 đồng ngày 25/9/2011, số tiền này không phải là tiền vay mà số tiền này là số tiền ông Ngh cho ông Hiện vay tiền nhưng ông Ngh không tin ông H1 nên nhờ ông H đứng ra bảo lãnh.

- Đối với chứng cứ là tờ giấy ghi số tiền 50.000.000 đồng ngày 25/9/2011 không phải là tiền ông H nhận của ông Tr. Đây là số tiền bà T và ông H2 giao cho ông H đi làm thủ tục giấy tờ nhà ở đường Phạm Đình H, giao dịch này đã thực hiện xong.

- Đối với chứng cứ là tờ giấy ghi số tiền 37.000.000 đồng ngày 29/12/2011 là khoản tiền ông H nợ của ông H1, bà Tuyến đã khấu trừ xong, không liên quan đến ông Tr.

- Đối với chứng cứ là tờ giấy ghi số tiền 80.000.000 đồng ngày 04/10/2011, ông Tr đã rút yêu cầu, bà không có ý kiến gì.

Đối với các khoản tiền theo các giấy tờ bị đơn cung cấp (trừ khoản vay 80.000.000 đồng và khoản vay 20.000.000 đồng), bà H2 thừa nhận ông H có ký vào nhưng không phải là tiền vay mà là tiền ông H nhận để cùng làm ăn với nhau. Vì vậy, ông H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Ông Lê Thế H có yêu cầu phản tố đối với ông Nguyễn Quốc Tr:

Ngày 02/10/2010, ông H giao cho ông Tr số tiền 116.000.000 đồng nhờ ông Tr trả cho ông Đào Minh Đ vì ông H có nợ tiền của ông Đ. Tuy nhiên, ông Tr không trả cho ông Đ cũng không trả số tiền này lại cho ông H, ông H đã thanh toán cho ông Đ số tiền này. Ông H có lập tờ giấy biên nhận, bốn dòng đầu ông H là người viết, ba dòng sau ông Tr là người viết và ký tên vào tờ giấy này. Ông Lê Thế H yêu cầu ông Tr phải trả lại số tiền 116.000.000 đồng ông Tr đã nhận của ông H. Ông H không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với số tiền 80.000.000 đồng, chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 204.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng đề nghị Tòa án không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án thụ lý vụ án với quan hệ "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tuy nhiên, quá Tr giải quyết vụ án, Tòa án xác định các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có chứng cứ thể hiện khoản tiền vay, có chứng cứ thể hiện khoản tiền ông H nhận từ ông Tr nhưng không phải là quan vệ vay tiền. Vì vậy, Tòa án xác định trong vụ án này có hai quan hệ: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản".

[3] Ông Tr hiện độc thân, ông Tr khẳng định khoản tiền ông Tr cho ông H vay và khoản tiền ông H nhận từ ông Tr không liên quan đến tổ chức, cá nhân nào khác. Bà Bùi Thị Minh Ng vợ ông H xác định giao dịch này là giao dịch giữa ông Tr và ông H, bà Ngọc không liên quan gì đến khoản vay này. Vì vậy, Tòa án không đưa bà Ngọc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Đào Minh Đ xác nhận không quen biết với ông Tr và ông H, chứng cứ bị đơn cung cấp là giấy biên nhận ngày 02/10/2010 cũng không thể hiện bút tích của ông Đ nên Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[4] Xét chứng cứ là các tờ giấy ghi số tiền mà ông Tr cung cấp cho Tòa án thấy rằng:

[4.1] Khoản tiền 50.000.000 đồng: Chứng cứ là tờ giấy tập học sinh ghi nội dung "ngày 12/10/2009 có vay của ông Tr 50.000.000 đồng (năm mươi)" có ký tên và ghi rõ họ tên Lê Thế H. Đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng khoản tiền này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, qua trích sao tài liệu là chứng cứ trong vụ án dân sự thụ lý số 225/2022/TLST – DS ngày 27/6/2022 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr và bị đơn ông Lê Thế H và Bản án số 103/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 thể hiện: Hai chứng cứ ghi số tiền 50.000.000 đồng là hoàn toàn khác nhau. Chứng cứ đã được giải quyết bằng bản có hiệu lực pháp luật là biên nhận tiền ngày 03/10/2009; chứng cứ trong vụ án này là biên nhận tiền ngày 12/10/2009. Bà Hồng cho rằng khoản vay 50.000.000 đồng đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, tức là thừa nhận ông H có vay tiền của ông Tr nhưng đã được xem xét giải quyết. Tuy nhiên, thực tế thì khoản tiền 50.000.000 đồng ông H nhận của ông Tr vẫn chưa được giải quyết. Vì vậy, có cơ sở để xác định ông H có vay tiền của ông Tr vào ngày 12/10/2009, ông H không có chứng cứ chứng minh ông H đã trả cho ông Tr, ông Tr yêu cầu ông H phải trả lại cho ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Khoản tiền 20.000.000 đồng: Chứng cứ là tờ giấy tập học sinh ghi nội dung "ngày 10/8/2010 A Tr 1 5.000.000đ

2. 5.000.000đ

3. 10.000.000đ sổ

Trình 20.000.000đ."

Nội dung ghi trong tờ giấy không rõ ràng, trước khoản tiền 20.000.00 đồng ghi "Trình", không thể hiện việc vay mượn hay giao nhận số tiền của ông Tr cho ông H. Ông Tr cho rằng chữ ký ghi dưới nội dung trên là chữ ký của ông H, tuy nhiên người đại diện hợp pháp không thừa nhận chữ ký là của ông H, cũng không thừa nhận có vay ông H số tiền 20.000.000 đồng. Vì vậy, chứng cứ ông Tr đưa ra đối với khoản tiền này là không có cơ sở xem xét.

[4.3] Khoản tiền 67.000.000 đồng: Chứng cứ là tờ giấy tập học sinh ghi nội dung "H nhận hộ ông Hiện 63 triệu+5 triệu dịch vụ 5.000.000 đ. Tổng cộng 67 triệu lãi 5% kể từ ngày 25/9/2011". Ông Tr trình bày, ông Tr đi vay giùm cho ông H (ông Tr vay từ ông Ngh), ông H nhận tiền từ ông Tr và cho người khác vay. Đối với ông Ngh, Tòa án đã yêu cầu người đại diện hợp pháp cung cấp địa chỉ để làm rõ khoản nợ này, tuy nhiên bà Hồng không cung cấp được địa chỉ nên Tòa án không thể làm việc được với ông Ngh. Tại biên bản lấy lời khai ông H1trình bày không liên quan gì đến giao dịch giữa ông Tr và ông H, ông thừa nhận ông có vay tiền của ông H và ông đã trả cho ông H cả gốc và lãi vào năm 2011. Ông H1 không biết việc ông H có mượn tiền ông Tr cho ông H1 vay hay không, ông H1 không liên quan gì đến giao dịch giữa hai người. Ông H đã ký nhận khoản tiền này nhưng ông H không có giấy tờ gì chứng minh đã thanh toán cho ông Tr nên có cơ sở chấp nhận khoản tiền này.

[4.4] Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng ngày 25/9/2011, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng đây là khoản tiền ông H giao cho ông H1 và bà T đi làm giấy tờ nhà đất ở đường Phạm Đình H, Thành phố Hồ Chí Minh và 37.000.000 đồng ngày 29/12/2011 là khoản tiền ông H nợ của ông Hiện, bà T đã khấu trừ xong, không liên quan đến ông Tr. Tuy nhiên, bà T và ông H1 đều không thừa nhận việc này, ông H1 xác định số tiền 50.000.000 đồng ông H đã trả cho ông H1 không liên quan gì đến giao dịch giữa ông Tr và ông H, bà T khai không liên quan gì đến các khoản tiền này. Ông H đã ký nhận hai khoản tiền này, nhưng không có chứng cứ chứng minh là đã trả lại cho ông Tr nên có cơ sở chấp nhận hai khoản tiền này.

[4.5] Đối với số tiền 80.000.000 đồng theo biên nhận ngày 04/10/2011, ông Tr đã rút đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ khoản vay này.

[5] Về lãi suất: Ông Tr không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 204.000.000 đồng, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Theo giấy biên nhận ngày 02/10/2010, ông H giao cho ông Tr số tiền 116.000.000 đồng nhờ ông Tr trả cho ông Đào Minh Đ. Ông Tr thừa nhận ông có viết nội dung này nhưng không thừa nhận đã nhận số tiền 116.000.000 đồng của ông H để trả cho ông Đ. Ông Đ trình bày không quen biết ông H cũng như ông Tr và không liên quan gì đến số tiền này. Mặc dù ông Tr không thừa nhận đã nhận số tiền 116.000.000 đồng nhưng ông Tr có xác nhận vào biên nhận này nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[8] Về lãi suất đối với số tiền 116.000.000 đồng, ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí giám định: Ông Lê Thế H chịu 1.278.000 đồng

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn đã trên 60 tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 229, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 290, 471 và Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr với bị đơn ông Lê Thế H.

Buộc ông Lê Thế H phải thanh toán cho ông Nguyễn Quốc Tr 204.000.000 (hai trăm lẻ bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hành tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr với bị đơn ông Lê Thế H về việc yêu cầu ông Lê Thế H thanh toán số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr đối với số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thế H đối với nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr.

Buộc ông Nguyễn Quốc Tr phải thanh toán cho ông Lê Thế H số tiền 116.000.000 (một trăm mười sáu triệu) đồng.

5. Về chi phí giám định: Ông Lê Thế H chịu 1.278.000 (một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí. Bị đơn phải chịu 10.200.000 (mười triệu hai trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006743 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, ông H còn phải nộp 7.300.000 (bảy triệu ba trăm nghìn) đồng.

7. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Dĩ An;
- CCTHA dân sự TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Thị Thắm